



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU HỌC TẬP TUẦN 22 – NGŨ VĂN 9

Phần I: (6 điểm) Cho đoạn trích sau:

“Mãi khuya, bà Hai mới chống gối đứng dậy. Bà lẳng lẳng xuống bếp châm lửa ngói tính tiền hàng. Vẫn những tiền cua, tiền bún, tiền đồ, tiền kẹo ... Vẫn cái giọng rì rầm, rì rầm thường ngày.

- Này, thầy nó à.

Ông Hai nằm rũ ra ở trên giường không nói gì.

- Thầy nó ngủ rồi à ?

- Gì ?

Ông lão khẽ nhúc nhích.

- Tôi thấy người ta đồn ...

Ông lão gắt lên:

- Biết rồi!

Bà Hai nín bật. Gian nhà lặng đi hiu hắt.”

(Trích Làng – Kim Lân)

Câu 1: Dấu chấm lửng trong câu “Tôi thấy người ta đồn ...” có tác dụng gì? Sự việc mà bà Hai nghe “người ta đồn” là sự việc nào?

Câu 2: Theo trình tự cốt truyện thì đoạn trích nằm ở tình huống nào? Ý nghĩa của tình huống này là gì?

Câu 3: Trong cuộc đối thoại trên, có những phương châm hội thoại nào đã bị vi phạm? Theo em, việc tác giả để cho nhân vật vi phạm các phương châm hội thoại này nhằm mục đích gì?

Câu 4: Viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo phép lập luận tổng – phân – hợp phân tích tâm trạng ông Hai kể từ khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc. Trong đoạn văn có sử dụng một câu bị động và một phép nối liên kết. (Gạch chân và chú thích rõ)

Phần II: (4 điểm) Trong bài “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận có câu thơ sau: “Thuyền ta lái gió với buồm trăng.”

Câu 1: Chép chính xác ba câu thơ tiếp theo? Dựa vào trình tự ra khơi của đoàn thuyền thì đoạn trích em vừa chép mang nội dung gì ? (Diễn đạt ngắn gọn bằng một câu văn)

Câu 2: Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong câu thơ “Thuyền ta lái gió với buồm trăng”? Các biện pháp nghệ thuật đó đã góp phần khắc họa vẻ đẹp nào của những người ngư dân?

Câu 3: Từ đoạn thơ vừa chép, với những hiểu biết xã hội của mình, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng nửa trang giấy thi) về hình ảnh những người ngư dân vẫn đang ngày đêm vươn khơi bám biển trong thời điểm hiện nay.

Ghi chú: HS hoàn thành gửi hình ảnh bài làm về GVBM trong ngày 20/02/2021



Trường THCS Phúc Đồng

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN
MÔN: TOÁN LỚP 9 - TUẦN 22

I. PHẦN ĐẠI SỐ

Giải các bài toán sau bằng cách lập hệ phương trình:

Bài 1: Hai vòi nước cùng chảy vào bể thì trong 2 giờ 24 phút sẽ đầy bể. Biết vòi một chảy trong 5 giờ được lượng nước nhiều hơn vòi hai chảy trong 2 giờ là $\frac{11}{12}$ bể. Hỏi mỗi vòi chảy một mình thì bao lâu sẽ đầy bể?

Bài 2: Trong tháng thứ nhất, hai tổ công nhân sản xuất được 720 đôi giày. Sang tháng thứ hai, tổ 1 làm vượt mức 10%, tổ hai giảm mức 12%. Vì vậy, cả hai tổ chỉ sản xuất được 704 đôi giày. Tính số đôi giày mà mỗi tổ sản xuất được trong tháng thứ nhất.

II. PHẦN HÌNH HỌC

Bài 3: Cho ba điểm A, B, C cố định, thẳng hàng theo thứ tự. Vẽ một đường tròn (O) bất kì đi qua B và C (BC không phải là đường kính). Từ A kẻ các tiếp tuyến AE, AF đến đường tròn (O) (E, F là các tiếp điểm). Gọi I là trung điểm của BC, K là trung điểm của EF. Giao điểm của FI với (O) là D.

- a) Chứng minh 4 điểm A, E, O, F cùng thuộc 1 đường tròn
- b) Chứng minh $AE^2 = AB \cdot AC$
- c) Chứng minh $ED \parallel AC$. (Câu c chỉ dành cho HS K- G)

III. BÀI TẬP DÀNH CHO HSG

Bài 4: Cho các số thực x, y, z thỏa mãn $x+y+z \leq 1,5$. Tìm giá trị lớn nhất của biểu thức:

$$M = \sqrt{x^2 + 4xy + y^2} + \sqrt{y^2 + 4yz + z^2} + \sqrt{z^2 + 4zx + x^2}$$

Ghi chú: HS hoàn thành gửi hình ảnh bài làm về GVBM trong ngày 20/02/2021



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU HỌC TẬP TUẦN 22

Revision W22 – Class 9

I. Put "some, a or an" in the gaps

1. ... orange juice	6. ... tomato	11. ... vegetables
2. ... orange	7. ... rice	12. ... beans
3. ... carrot	8. ... bread	13. ... potato
4. ... onions	9. _ apples	14. ... iced tea
5. ... water	10. ... banana	15. ... cabbage

II. Put "a, an, some, any"

1. There isn't ... milk in the jar.	6. There is ... meat and ... rice for lunch.	11. She wants to buy ... oranges for her mother.
2. She'd like ... orange.	7. Are there ... vegetables?	12. Would you like ... egg for breakfast?
3. There are ... oranges and bananas.	8. I have ... fruit for you.	13. Can you bring me ... water, please?
4. Is there ... meat?	9. He eats ... apple after his dinner.	14. I don't want ... sugar in the tea.
5. There aren't ... noodles.	10. Would you like ... water, please?	15. She has ... sandwich for breakfast.

III. Write the correct form of the verb "to be" in present tense

- 1/ The old man (be) _____ wise.
- 2) The sun (be) _____ hot.
- 3) The children (be) _____ eating bananas. They (be, not) _____ eating apples.
- 4) I (be) _____ happy. I (be, not) _____ sad.
- 5) The racecar (be) _____ fast. It (be, not) _____ slow.
- 6) My friend (be) _____ buying a new car. Her old car broke down.

IV. Fill in the spaces with the correct form of the verb in simple present tense.

Example: I/You/We/They (play) play the guitar.

Example: He/She/It (play) plays the guitar.

- 1) Mary (be) _____ twenty-nine years old.
- 2) We (like) _____ to eat fruit. It (taste) _____ good.
- 3) The football team never (score) _____. It (lose) _____ all the time.
- 4) Roberta and Betty always (talk) _____ to each other on the phone.
- 5) Jose and I (study) _____ chemistry together.
- 6) The car (have) _____ a flat tire.
- 7) You never (make) _____ breakfast for me. I always (have) _____ to make it myself.
- 8) The mechanic (fix) _____ my car when it breaks down.

V. Write sentences using the words given:

Ex, Thuy/play volleyball every afternoon/ now

- Thuy plays volleyball every afternoon / - Thuy is playing volleyball now

1. Nam/have breakfast at 7 every morning/ at the moment

2. I/watch television every night/ now

4. My sister/ walk to school every day/ right now

5. Mai/brush her teeth every morning/now

6. Mr Quang/ drive his truck to the farm every morning/ at the moment.

VI. Give the correct tenses of the verbs

1. Thu (go) to school by bike everyday.

2. This house (have) a big garden.

3. What you (do) now? - I (unload) the vegetables.

4. She (live) in a small village.

5. I (play) soccer every afternoon and I (play) soccer now.

6. They (not play) video games at the moment. They (do) their Math homework.

7. His mother (work) in the hospital.

8. There(be) a park near my house.

9. The farmer (go) to his farm every morning.

10. There (be) many trees in the garden.

VII. Put since or for into the blanks

1. _____ a week

2. _____ Monday

3. _____ last week

4. _____ two hours

5. _____ 2002

6. _____ yesterday

7. _____ three days

8. _____ 20 years

9. _____ the summer

10. _____ 12 May

11. _____ 8 o'clock

12. _____ a long time

13. _____ three years

14. _____ I was a child

VIII. Put the verbs in brackets in the Present Perfect Tense

1. Nam (study) _____ since last May.

2. (you / ever be) _____ to Da Lat?

3. His farther (just / sell) _____ his old house.

4. Nurses (look) _____ after patients in hospitals since last night.

5. (you/ ever / see) _____ a ghost?-No, _____

6. They (live) _____ in that house for ten years.

7. I (work) _____ with him since 1998

8. She (study) _____ English for 3 years now.

9. I (not see) _____ my form teacher for two weeks.

10. They (live) _____ there for the whole life.

Ghi chú: HS hoàn thành gửi hình ảnh bài làm về GVBM trong ngày 20/02/2021